ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2773/UBND-CNXD	*Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 6 năm 2016*

V/v thỏa thuận Đồ án Quy hoạch Nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 4213
Ngày: 03/6/16
Chuyển:

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Thực hiện Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng và Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã tổ chức lập Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

Hồ sơ Quy hoạch Nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 nêu trên do Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng và Quy hoạch Việt Nam lập, qua nhiều lần góp ý, chỉnh sửa, đến nay đã hoàn thiện.

Thực hiện ý kiến của Bộ Xây dựng tại Công văn số 20/BXD-HTKT ngày 03/8/2015, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, góp ý đồ án Quy hoạch nghĩa trang với những nội dung chính sau:

1. Phạm vi nghiên cứu quy hoạch:

- Phạm vi nghiên cứu bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính tỉnh Quảng Ngãi với tổng diện tích tự nhiên là 5152,69 km^2.

- Phạm vi lập quy hoạch nghĩa trang cho 14 đơn vị hành chính cấp huyện (trong đó có Khu kinh tế Dung Quất) trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

2. Quan điểm quy hoạch:

- Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 là đồ án quy hoạch xây dựng chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật vùng tỉnh, trong đó tập trung nghiên cứu quy hoạch hệ thống nghĩa trang phục vụ liên xã, các đô thị, vùng huyện, vùng liên huyện trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan.

- Tiếp cận theo hướng áp dụng công nghệ táng hiện đại, phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, khai thác sử dụng có hiệu quả về đất đai và đáp ứng yêu cầu về cảnh quan, bảo vệ môi trường.

- Trọng tâm của Đồ án Quy hoạch xác định hệ thống nghĩa trang nhân dân tập trung cho các đô thị lớn; hệ thống nghĩa trang tập trung của các huyện và hệ thống nghĩa trang tập trung liên xã. Việc lập quy hoạch nghĩa trang nhân dân gắn liền với các điểm dân cư nông thôn và việc thống kê, xây dựng phương án xử lý và di dời hệ thống nghĩa trang nhỏ lẻ đã dừng sử dụng sẽ do UBND các huyện chịu trách nhiệm lập, dựa trên lộ trình và định hướng được đề xuất tại quy hoạch này.

3. Mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng xây dựng nghĩa trang tỉnh Quảng Ngãi trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Từng bước đưa việc sử dụng hình thức táng văn minh, hiện đại trở thành hình thức táng phổ biến của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ môi trường.

- Đáp ứng nhu cầu táng trong toàn tỉnh trong thời gian ngắn hạn và dài hạn, đồng thời phù hợp với lộ trình đóng cửa hoặc di dời các nghĩa trang hiện hữu.

- Đáp ứng các yêu cầu về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, là cơ sở cho việc triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.

4. Chỉ tiêu quy hoạch:

Căn cứ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn quy định hiện hành.

5. Nội dung quy hoạch nghĩa trang và nhà tang lễ

a) Dự báo nhu cầu táng, tỷ lệ hình thức táng, đất xây dựng nghĩa trang:

a.1) Dự báo nhu cầu táng

TT	Khu vực	Dự báo số người tử vong qua các giai đoạn (người)	
		Từ 2016 - 2020	Từ 2021 - 2030
1	Đô thị	17.700	44.257
2	Nông thôn	31.507	63.353
	Toàn tỉnh	**49.207**	**107.610**

a.1) Dự báo tỷ lệ các hình thức táng

TT	Hình thức táng	Đơn vị tính	GĐ 2015-2020	GĐ 2021-2030
1	**Đô thị trung tâm cấp vùng (TP. Quảng Ngãi, các đô thị trong KKT Dung Quất)**			
1.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	90	70
1.2	Hỏa táng	%	10	30
1.3	Tỷ lệ người chết nơi khác đưa về	%	5	5

TT	Hình thức táng	Đơn vị tính	GĐ 2015-2020	GĐ 2021-2030
	địa phương an táng			
1.4	Cát táng (di dời mộ);	%	20	35
1.4	Tỷ lệ tử vong	‰	6,0	5,8
1.5	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
2	**Khu vực các đô thị ven biển**			
2.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	100	85
2.2	Hỏa táng	%	0	15
2.3	Tỷ lệ người chết nơi khác đưa về địa phương an táng	%	3	3
2.4	Cát táng (di dời mộ);	%	20	25
2.5	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
2.6	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
3	**Huyện đảo Lý Sơn**			
3.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	85	50
3.2	Hỏa táng	%	15	50
3.3	Cát táng (di dời mộ);	%	20	40
3.4	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
3.5	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1
4	**Khu vực đô thị miền núi và dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh**			
4.1	Chôn 1 lần không cải táng	%	100	100
4.2	Hỏa táng tại thị trấn Di Lăng	%	0	10
4.3	Cát táng (di dời mộ);	%	10	20
4.4	Tỷ lệ tử vong	‰	6,2	6,0
4.5	Hệ số chết đột biến	%	1,1	1,1

b) Dự báo nhu cầu đất xây dựng nghĩa trang

TT	Khu vực	Nhu cầu đất nghĩa trang qua các giai đoạn (ha)	
		Từ 2016 - 2020	Từ 2021 - 2030
1	Đô thị	34,6	80,3
2	Nông thôn	71,9	89,4
	Toàn tỉnh	**106,5**	**169,7**

c) Quy hoạch nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

c.1) Quy hoạch nghĩa trang:

Đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi đầu tư xây dựng mới và nâng cấp, mở rộng 40 nghĩa trang nhân dân tập trung; tổng diện tích quy hoạch là 268,7 ha. Khả năng đáp ứng diện tích đất tại các nghĩa trang là 485,6 ha, trong đó:

Nghĩa trang cấp vùng tỉnh: Xây dựng mới 4 nghĩa trang cấp vùng tỉnh, với tổng diện tích 95 ha, khả năng đáp ứng diện tích đất là 189,7 ha, phục vụ liên huyện, liên đô thị gồm: Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa; Công viên Nghĩa Trang xã Tịnh Ấn Đông, khu vực núi

Dung Kiến, xã Tịnh Ấn Đông; Nghĩa trang Phượng Hoàng, xã Bình Thanh Đông; Công viên nghĩa trang Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp, huyện Bình Sơn.

Nghĩa trang cấp vùng huyện: Xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng 8 nghĩa trang cấp vùng huyện, với tổng diện tích 85,6 ha, khả năng đáp ứng diện tích đất là 139,1 ha, phục vụ các đô thị và các xã nông thôn phụ cận.

Nghĩa trang tập trung cấp huyện: Xây dựng mới, nâng cấp và mở rộng 28 nghĩa trang tập trung cấp huyện, với tổng diện tích 88,07 ha, khả năng đáp ứng nhu cầu diện tích đất là 156,8 ha, phục vụ các đô thị, cụm xã nông thôn.

c.2) Quy hoạch cơ sở hỏa táng

Đến năm 2030 tỉnh Quảng Ngãi đầu tư xây dựng mới 6 cơ sở hỏa táng, trong đó:

Giai đoạn đến năm 2020 đầu tư 3 cơ sở hỏa táng gồm: Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng tại xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, phục vụ nhu cầu hỏa táng của thành phố Quảng Ngãi, các huyện Nghĩa Hành và huyện Tư Nghĩa. Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang Bình Hòa, phục vụ các đô thị, dân cư trong khu kinh tế Dung Quất và cơ sở hỏa táng tại nghĩa trang núi Vòng Sỏi, phục vụ thị trấn Lý Sơn và các xã huyện đảo Lý Sơn.

Giai đoạn từ năm 2021-2030: Đầu tư xây dựng mới thêm 3 cơ sở hỏa táng gồm: Cơ sở hỏa táng đặt tại Công viên Nghĩa Trang xã Tịnh Ấn Đông, khu vực núi Dung Kiến, xã Tịnh Ấn Đông, phục vụ nhu cầu hỏa táng khu vực Phía Bắc thành phố Quảng Ngãi, huyện Sơn Tịnh, huyện Bình Sơn. Cơ sở hỏa táng đặt tại nghĩa trang sinh thái hoa viên vĩnh hằng Đức Phổ tại thôn An Ninh, xã Phổ Ninh, phục vụ nhu cầu hỏa táng thị trấn Đức Phổ, Mộ Đức và dân cư huyện Đức Phổ, huyện Mộ Đức. Cơ sở hỏa táng tại nghĩa trang thị trấn Di Lăng, thuộc tổ dân phố Cà Đáo, phục vụ huyện Di lăng và các huyện phụ cận.

c.3) Quy hoạch mạng lưới nhà tang lễ

Định hướng đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi sẽ xây dựng mới 8 nhà tang lễ, nâng cấp, cải tạo 02 nhà tang lễ hiện có:

- Giai đoạn đến năm 2020, đầu tư nâng cấp, cải tạo 02 nhà tang lễ hiện có: Nhà tang lễ thành phố Quảng Ngãi tại đường Bùi Thị Xuân và nhà tang lễ tại Bệnh viện đa khoa Dung Quất. Xây dựng mới 03 nhà tang lễ: Nhà tang lễ thành phố Quảng Ngãi phụ vụ dân cư Bắc sông Trà Khúc; Nhà tang lễ thị trấn Đức Phổ và nhà tang lễ thị trấn Lý Sơn;

- Giai đoạn 2021-2030, đầu tư xây dựng mới 5 nhà tang lễ bao gồm: Nhà tang lễ trong KKT Dung Quất, đặt tại nghĩa trang Bình Hòa; nhà tang lễ tại công viên nghĩa trang Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp; nhà tang lễ thị trấn Mộ Đức (huyện Mộ Đức); nhà tang lễ thị trấn Châu Ổ (huyện Bình Sơn); nhà tang lễ thị trấn Di Lăng (huyện Sơn Hà). Sau năm 2030, căn cứ theo nhu cầu sử dụng

của người dân các đô thị trên địa bàn tỉnh sẽ lên kế hoạch xây dựng tiếp các nhà tang lễ còn lại tại các đô thị.

(Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo)

6. Khái toán kinh phí và nguồn vốn đầu tư

a) Kinh phí đầu tư: Tổng kinh phí đầu tư để xây dựng hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ và di dời mộ cát táng giai đoạn từ 2016-2030 là: 2.334,3 tỷ đồng; trong đó, giai đoạn đến năm 2020 là 1.022,7 tỷ đồng:

- Kinh phí đầu tư xây dựng mới, nâng cấp mở rộng nghĩa trang, lò hỏa táng là 2.081,1 tỷ đồng; trong đó giai đoạn đến năm 2020 là 939,4 tỷ đồng.

- Kinh phí di dời mộ vào nghĩa trang tập trung là 106,1 tỷ đồng; trong đó giai đoạn đến năm 2020 là 24,4 tỷ đồng.

- Kinh phí đầu tư xây dựng mới, cải tạo nhà tang lễ là 147,1 tỷ đồng; trong đó giai đoạn đến năm 2020 là 58,9 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Vốn huy động từ các thành phần kinh tế;

- Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài;

- Vốn xã hội hóa thông qua các chương trình kêu gọi đầu tư xã hội hóa hoặc thông qua các hình thức đầu tư theo quy định hiện hành như BT, BOT, BTO, BOO đặc biệt là hình thức PPP.

7. Giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Giải pháp quản lý:

- Công bố công khai quy hoạch nghĩa trang, tổ chức tuyên truyền vận động sâu rộng tới các đơn vị, cá nhân liên quan biết và thực hiện đúng quy hoạch.

- Căn cứ quy hoạch được duyệt, tiến hành rà soát, lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng nghĩa trang, quy hoạch sử dụng đất các đô thị và các huyện.

- Tổ chức tốt công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư khi di chuyển các nghĩa trang hiện có, các hộ dân trong vùng quy hoạch theo đúng quy định tạo sự ổn định về mặt xã hội, phù hợp với phong tục tập quán của mỗi địa phương.

- Từng bước bàn giao các công trình nghĩa trang, nhà tang lễ cho đơn vị đầu mối để chủ động phục vụ công tác quản lý, thực hiện theo quy hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch nghĩa trang, nhà tang lễ tại các các đô thị và các huyện. Xử lý nghiêm các hành vi xây dựng không đúng quy định; mua bán chuyển nhượng đất trong nghĩa trang dưới mọi hình thức.

- Thực hiện tốt việc bảo vệ chăm sóc, tu bổ các nghĩa trang, giữ vệ sinh trong các hoạt động an táng.

- Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng hình thức hỏa táng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ giao đơn vị quản lý đối với các nghĩa trang được đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Giải pháp về cơ chế chính sách:

- Ưu tiên bố trí vốn ngân sách hàng năm, tập trung vào các dự án ưu tiên, các dự án nghĩa trang cấp vùng tỉnh, vùng huyện theo từng giai đoạn;

- Ban hành cơ chế đặc thù hỗ trợ, ưu đãi nhằm huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng từ nguồn vốn xã hội hóa.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

- UBND tỉnh Quảng Ngãi sẽ giao UBND các huyện, thành phố quy định về giá dịch vụ nghĩa trang và xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nghĩa trang.

c) Giải pháp khoa học, công nghệ: Áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại trong các dự án xây dựng nghĩa trang, lò hỏa táng nhằm hạn chế các tác động đến môi trường.

d) Giải pháp tăng cường năng lực: Tăng cường nâng cao năng lực của các đơn vị trực tiếp quản lý và vận hành nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng.

8. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Dự báo tác động diễn biến môi trường khi thực hiện quy hoạch

Các nghĩa trang trong quá trình vận hành hoạt động sẽ phát sinh ra các loại chất thải do quá trình phân hủy tử thi, chất thải rắn do hoạt động mai táng và khí thải từ cơ sở hỏa táng sẽ ảnh hưởng đến môi trường đất, nước, không khí và môi trường xã hội khu vực xung quanh.

b) Các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

- Giải pháp kỹ thuật: Khuyến nghị can thiệp kỹ thuật cần thiết cho việc bảo vệ môi trường và giảm tác động môi trường từ các dự án đề xuất. Trong đó tập trung vào giải pháp xử lý khí thải của lò hỏa táng, xử lý nước thải khu hung táng/chôn cất một lần,....

- Giải pháp quản lý: Quản lý và tổ chức thực hiện nhằm tăng cường bảo vệ môi trường, quản lý tác động trong khi thực hiện các dự án xây dựng nghĩa trang đề xuất theo quy hoạch.

- Chương trình quản lý và quan trắc môi trường: đề xuất đảm bảo sự chú ý đúng đắn vào các vấn đề môi trường được đưa ra trong quá trình xây dựng và vận các dự án cụ thể.

(Phần chi tiết có thuyết minh và bản vẽ kèm theo)

Kính đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, thống nhất./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- VPUB: C,PVP, CNXD, CB;
- Lưu:VT, CNXD.tlsáng.216

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục I: Định hướng quy hoạch hệ thống nghĩa trang tập trung tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số 2272/UBND-CNXD ngày 02/6 /2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)			Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ và tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2030	Tích cấp trung (ha)			
1	**NGHĨA TRANG CẤP VÙNG TỈNH**						
1.1	Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	10	20	40	Xây dựng mới - Hỏa táng phục vụ khu vực nội, ngoại thị Nam sông Trà; Chôn 1 lần không cải táng; Cất táng (tiếp nhận mộ di dời tại 8 phường nội thị Nam sông Trà)	Phục vụ 8 phường khu vực nội thị phía Nam sông Trà, có khả năng phục vụ đến năm 2030.	2016-2025
1.2	Công viên Nghĩa Trang xã Tịnh Ấn Đông, khu vực núi Dung Kiến, xã Tịnh Ấn Đông	10	35	75	Xây dựng mới - Hỏa táng phục vụ khu vực nội và ngoại thị Bắc sông Trà;; Chôn 1 lần không cải táng; Cất táng (tiếp nhận mộ di dời phía Bắc sông Trà);	Phục vụ các phường và dân cư các xã phía Bắc sông Trà/ 100 năm	2016-2017
1.2	Nghĩa trang Bình Hòa (khu vực núi Gò Đam) - KKT Dung Quất	5	10	18,5	Xây dựng mới - Hỏa táng; Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	Nhu cầu hỏa táng, chôn mới tại các đô thị trong KKT Dung Quất /sau 2030	2016-2017
1.4	Công viên nghĩa trang xã Bình Hiệp (khu vực núi Hòn Côi – đập Hồ Vàng);	15	30	56,2	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần không cải táng; Cất táng;	Phục vụ dân cư TT. Châu Ổ, các xã phía Nam huyện Bình Sơn; 50-70 năm;	2018-2020
2	**NGHĨA TRANG CẤP VÙNG HUYỆN**						
2.1	**Thành phố Quảng Ngãi**	**5**	**10**	**10**			
2.1.1	NT. Nghĩa Kỳ (Mở rộng giai đoạn 2)	5	10	10	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	Phục vụ dân cư Nam thành phố Quảng Ngãi/ đến năm 2030	2016-2017
2.2	**Huyện Mộ Đức**	**5**	**15**	**18**			
2.2.1	Nghĩa trang Núi Một, TT. Mộ Đức	5	15	18	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	Thị trấn Mộ Đức/ đến năm 2050	2016-2017
2.3	**Huyện Đức Phổ**	**5**	**10**	**40**			
2.3.1	Nghĩa trang sinh thái hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ (thôn An Ninh, xã Phổ Ninh);	5	10	40	Mở rộng hiện trạng - Hỏa táng phục vụ H. Đức Phổ, Mộ Đức; Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ cát táng.	Thị trấn Đức Phổ, xã Phổ Ninh và khu vực phụ cận/ đến năm 2050	2016-2017
2.4	**H. Bình Sơn - KKT Dung Quất**	**17,9**	**34**	**46,5**			
2.4.1	Nghĩa trang Cồ Huê, xã Bình Long	2,9	4	6	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	Đô thị Dốc Sỏi, các xã Bình Nguyên, Bình Chánh, Bình Thạnh/2050	2015-2016

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ và tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2030				
2.4.2	Nghĩa trang Phượng Hoàng (núi Phượng Hoàng, x. Bình Thạnh Đông);	15	30	40,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; Tiếp nhận mộ di dời khi thực hiện các dự án trong KKT Dung Quất;	Phục vụ dân cư khu đô thị Sa Kỳ; Vạn Tường; 70-100 năm;	2017-2018
2.5	**Huyện Sơn Tịnh**	**3**	**7**	**12**			
2.5.1	Nghĩa trang Gò Nghĩa, xã Tịnh Sơn	3	7	12	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần không cải táng; Tiếp nhận mộ cát táng;	TT Sơn Tịnh, xã phụ cận/ đến 2050	2017-2018
2.6	**Huyện Ba Tơ**	**2**	**4**	**7**			
2.6.1	Nghĩa trang Ba Cung (thôn Dốc Mốc 2, xã Ba Cung)	2	4	7	Xây dựng mới nghĩa trang, chôn 1 lần, tiếp nhận mộ cát táng	Thị trấn Ba Tơ và xã Ba Cung/ sau năm 2030	2018-2019
2.7	**Huyện đảo Lý Sơn**	**3,6**	**5,6**	**5,6**			
2.7.1	Nghĩa trang núi Vòng Sòi	3,6	5,6	5,6	Mở rộng hiện trạng - Hỏa táng phục vụ dân cư thị trấn và 3 xã huyện đảo, chôn 1 lần, tiếp nhận mộ cát táng (6.000 mộ) nằm rải rác các xã An Vĩnh, An Hải;	TT. Lý Sơn, các xã An Hải, An Vĩnh/ Đến năm 2030	2015-2016
III	**NGHĨA TRANG TẬP TRUNG CẤP HUYỆN**						
3.1	**Huyện Bình Sơn - KKT Dung Quất**	**12**	**20,8**	**33**			
3.1.1	Nghĩa trang thôn Thượng Hòa (KV Núi đá Chồng - xã Bình Đông) - KKT Dung Quất	3	5	9	Xây dựng mới - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	xã Bình Đông, KĐT Dốc Sỏi, phía Tây Dung Quất;/ đến năm 2030;	2016
3.1.2	Nghĩa trang Bình Phước (khu vực núi Phổ Tịnh) - KKT Dung Quất	2	3	5	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	Phục vụ nhu cầu an táng xã Bình Đông, Bình Thuận, Bình Trị/ 50 năm	2016
3.1.3	Nghĩa trang Đồng Cỏ, xã Bình Nguyên - KKT Dung Quất	1,2	3,57	6	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	Phục vụ xã Bình Nguyên, Bình Chánh/ 50 năm	2016
3.1.4	Nghĩa trang Phước Hòa xã Bình Trị - KKT Dung Quất	4,3	7,3	10,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần; tiếp nhận mộ di dời (cát táng)	Phục vụ xã Bình Trị, Bình Thuận	2016
3.1.5	Nghĩa Trang Bình Thới (khu vực Núi Đạo)	1,5	2	2,5	Xây dựng mới – Chôn 1 lần; tiếp nhận mộ di dời các xã phụ cận;	xã Bình Thời; một phần TT. Châu Ổ/ đến 2030	2016
3.3	**Huyện Đức Phổ**	**7**	**13**	**26,6**			
3.3.i	Nghĩa trang Phổ Văn, tại gò Ông Thiều, thôn Tập An Bắc	3	5	7,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng, cát táng di dời 2 nghĩa địa tại thị trấn Đức Phổ	TT. Đức Phổ, đến năm 2030	2016

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ và tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2030				
3.3.2	Nghĩa trang Phổ Phong tại thôn Vạn Lý	3	5	12,1	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng, cát táng di dời 2 nghĩa địa tại xã Phổ Văn	Khu đô thị Trà Câu và xã Phổ Văn, sau năm 2030	2016-2017
3.3.3	Nghĩa trang sinh thái hoa viên Vĩnh Hằng Sa Huỳnh (thôn La Vân, x. Phổ Thạnh);	1	3	7	Xây dựng mới - Chôn 1 lần, tiếp nhận mộ di dời từ 2 nghĩa địa tại thôn Vĩnh Xuân và Hiệp An xã Phổ Phong.	Đô thị Phổ Phong, sau năm 2030	2016-2017
3.4	**Huyện Sơn Tịnh**	**10**	**20**	**33**			
3.4.1	Nghĩa trang đồi 48, xã Tịnh Hà	5	10	18	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng;	Tiếp nhận mộ di dời và chôn mới xã Tịnh Hà và khu vực phụ cận/ đến 2030	2015-2016
3.4.2	Nghĩa trang Động Doan, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong	5	10	15	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng;	Tiếp nhận mộ di dời và chôn mới xã Tịnh Phong,khu vực phụ cận/ đến 2030	2015-2016
3.5	**Huyện Tư Nghĩa**	**1,67**	**5,3**	**9,38**			
3.5.1	Nghĩa trang Ông Xeo; TT. La Hà	0,67	2,3	3,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn cất 1 lần, cát táng;	TT. La Hà/ sau năm 2030.	2015-2016
3.5.2	Nghĩa trang TT. Sông Vệ	1	3	6,18	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần, cát táng	TT. Sông Vệ, xã Nghĩa Phương 2030	2015-2016
3.6	**Huyện Nghĩa Hành**	**1**	**3**	**5,5**			
3.6.1	NT Dông Ông Trấn, TT. Chợ Chùa	1	3	5,5	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần; Cát táng	TT. Chợ Chùa/ sau năm 2030.	2015-2016
3.7	**Huyện Mộ Đức**	**1,3**	**4**	**9**			
3.7.1	Nghĩa trang Núi Thụ	0,8	2	5	Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng;	ĐTM Thạch Trụ, đến năm 2030	2015-2016
3.7.2	Nghĩa trang Núi Điệp	0,5	2	4	Chôn cất 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng;	ĐTM Nam Sông Vệ, Quán Lát sau năm 2030	2015-2016
3.8	**Huyện Minh Long**	**1,5**	**3**	**6,5**			
3.8.1	NT Hóc Chố (thôn Một, x. Long Hiệp)	0,5	1	1,5	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần	Phục vụ TT. Minh Long đến năm 2030	2015-2016
3.8.2	NT Hóc Quéo (thôn Hai, x. Long Hiệp)	0,5	1	2	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần	Phục vụ TT. Minh Long đến năm 2030	2015-2016
3.8.3	NT Gò Cà Rốc (thôn Dục Ái, x. Long Hiệp)	0,5	1	3	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần, cát táng	Phục vụ TT. Minh Long đến năm 2030	2015-2016
3.9	**Huyện Sơn Hà**	**1,8**	**3**	**6**			
3.9.1	Nghĩa trang TT. Di Lăng, tại TDP Cà Đáo	1,8	3	6	Hỏa táng phục vụ huyện Di Lăng, Sơn Tây; Chôn 1 lần không cải táng, tiếp nhận mộ cát táng di dời	TT. Di Lăng đến năm 2030	2015-2016

TT	Tên nghĩa trang/ Vị trí	Diện tích quy hoạch (ha)		Diện tích đáp ứng (ha)	Hình thức triển khai và công nghệ áp dụng	Phạm vi phục vụ và tuổi thọ	Lộ trình thực hiện
		Đến 2020	2021-2030				
3.10	**Nghĩa trang huyện Ba Tơ**	**2,8**	**5**	**10,42**			
3.10.1	Nghĩa trang Vườn Đào;	1	2	3,1	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần	TT. Ba Tơ/ Đến năm 2030	2015-2016
3.10.2	Nghĩa trang Cây Da;	0,8	1,5	2,32	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần	TT. Ba Tơ / Đến năm 2030	2015-2016
3.10.3	Nghĩa trang phía Nam đô thị Ba Vì;	1	1,5	5	Xây dựng mới, Chôn 1 lần	TT. Ba Vì / Sau năm 2030	2016-2017
3.11	**Huyện Trà Bồng**	**2**	**3,5**	**6**			
3.11.1	NT đồi Bọng Chình, TT. Trà Xuân	2	3,5	6	Xây dựng mới (chôn 1 lần, cát táng)	TT. Trà Xuân/ Đến năm 2030	2015-2016
3.12	**Huyện Tây Trà**	**1,5**	**3**	**5**			
3.12.1	Nghĩa trang Gò Rô, xã Trà Phong	1,5	3	5	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần	Thị trấn Tây Trà/ Sau năm 2030	2017-2018
3.13	**Huyện Sơn Tây**	**1**	**1**	**2**			
3.13.1	Nghĩa trang thị trấn Sơn Dung; h. Sơn Tây	1	1	2	Mở rộng hiện trạng, Chôn 1 lần, cát táng	Phục vụ TT. Sơn Dung/ sau năm 2030	2016-2017
3.14	**Huyện đảo Lý Sơn**	**1,4**	**3,4**	**4,4**			
3.14.1	Nghĩa trang Vò Vò, xã An Vĩnh	0,5	1,2	1,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Xã An Vĩnh, đến năm 2030	2015-2016
3.14.2	Nghĩa trang xã An Bình	0,5	1	2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Xã An Bình, đến năm 2030	2016-2017
3.14.3	Nghĩa trang thôn Đông, x An Hải	0,4	1,2	1,2	Mở rộng hiện trạng - Chôn 1 lần không cải táng	Thôn Đông, x. An Hải đến 2050	2015-2016

Phụ lục: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nhà tang lễ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số [illegible]/UBND-CNXD ngày 02/6 /2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Các nhà tang lễ	Diện tích (m2)	Địa điểm	Phạm vi phục vụ
I	**Nâng cấp, cải tạo nhà tang lễ hiện có**			
1.1	Nâng cấp, cải tạo nhà tang lễ phía Nam thành phố Quảng Ngãi;	8.000	Đường Bùi Thị Xuân, phường Nghĩa Lộ, thành phố Quảng Ngãi;	Các phường phía Nam sông Trà, các xã phụ cận khu vực ngoại thị;
1.2	Đầu tư thiết bị, nâng cấp nhà tang lễ tại bệnh viện Dung Quất;	400	Bệnh viện Dầu Khí, KKT Dung Quất;	Dân cư đô thị và nông thôn trong KKT Dung Quất;
II	**Các nhà tang lễ dự kiến mới theo từng giai đoạn đầu tư**			
2.1	**Nhà tang lễ dự kiến mới đến năm 2020**			
2.1.1	Nhà tang lễ phía Bắc thành phố Quảng Ngãi;	5.000	Đặt cạnh Bệnh viện đa khoa Sơn Tịnh (cũ), xã Tịnh Ấn Tây, phường Trường Quang Trọng	Phường Trương Quang Trọng và dân cư phía Bắc sông Trà, các xã phụ cận KV ngoại thị;
2.1.2	Nhà tang lễ thị trấn Đức Phổ	3.000	Xây dựng 01 nhà tang lễ tại tổ dân phố 2, thị trấn Đức Phổ;	TT. Đức Phổ, các đô thị khu dân cư phụ cận huyện Đức Phổ;
2.1.3	Nhà tang lễ thị trấn Lý Sơn	2.000	Xây dựng 01 nhà tang lễ tại nghĩa trang tập trung huyện Lý Sơn	Thị trấn Lý Sơn và các xã An Bình, An Hải huyện Lý Sơn;
2.2	**Nhà tang lễ dự kiến mới giai đoạn 2021-2030**			
2.2.1	Nhà tang lễ tại nghĩa trang Bình Hòa;	5.000	Đặt tại nghĩa trang Bình Hòa, trong KKT Dung Quất	TP. Vạn Tường, các xã phụ cận thành phố Vạn Tường, đô thị Sa Kỳ đến năm 2020;
2.2.2	Nhà tang lễ tại công viên nghĩa trang Sơn Viên Lạc Cảnh tại xã Bình Hiệp;	5.000	Đặt tại nghĩa trang Bình Hiệp, trong KKT Dung Quất	Thị trấn Châu Ổ và các đô thị trong KKT Dung Quất đến năm 2020;
2.2.3	Nhà tang lễ thị trấn Di Lăng	2.000	Thị trấn Di Lăng, huyện Di Lăng;	TT. Di Lăng, khu dân cư phụ cận huyện Di Lăng
2.2.4	Nhà tang lễ thị trấn Mộ Đức	3.000	Thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	Thị trấn Mộ Đức, khu dân cư nông thôn phụ cận h. Mộ Đức
2.2.5	Nhà tang lễ thị trấn Châu Ổ, H. Bình Sơn	3.000	Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn	Trấn Châu Ổ, khu dân cư nông thôn phụ cận h. Bình Sơn;

Phụ lục III: Định hướng quy hoạch xây dựng nhà hỏa táng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

(Kèm theo Công văn số 4773/UBND-CNXD ngày 02/6 /2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhà hỏa táng	Diện tích (m2)	Phục vụ	GĐ đầu tư
1	Nhà hỏa táng - Xây dựng tại Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tại khu vực giữa nghĩa địa TP. Quảng Ngãi và Mỏ đá An Hội, thuộc thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ.	2000-3000	TP. Quảng Ngãi, các huyện Nghĩa Hành và huyện Tư Nghĩa;	2018-2019
2	Nhà hỏa táng tại Nghĩa trang Bình Hòa;	2000-3000	Các đô thị, dân cư KKT Dung Quất: KĐT Sa Kỳ, ĐT Vạn Tường; h. Bình Sơn	2019-2020
3	Nhà hỏa táng - Xây dựng tạiNghĩa trang núi Vòng Sỏi	1000-1500	Thị trấn, xã An Bình, An Hải, An Vĩnh h. đ Lý Sơn	2016-2017
4	Nhà hỏa táng - Xây dựng tại Công viên Nghĩa Trang xã Tịnh Ấn Đông, tại khu vực núi Dung Kiến, xã Tịnh Ấn Đông.	1000-1500	Phía Bắc TP. Quảng Ngãi, h. Sơn Tịnh, h. Bình Sơn	2021-2022
5	Nhà hỏa táng - Xây dựng tại Nghĩa trang sinh thái hoa viên Vĩnh Hằng Đức Phổ (thôn An Ninh, xã Phổ Ninh)	1000-1500	Thị trấn Đức Phổ, Mộ Đức và khu dân cư huyện Đức Phổ, huyện Mộ Đức;	2024-2025
6	Nhà hỏa táng - Xây dựng tại Nghĩa trang thị trấn Di Lăng (TDP Cà Đáo)	500-1000	huyện Di lăng và các huyện phụ cận	2027-2028